

PHỤ LỤC IV
KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH
VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2017

(Ban hành kèm theo Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18/9/2015 của Chính phủ)

CÔNG TY TNHH NN MTV
LÂM NGHIỆP TIỀN PHONG
MST: 3300100201

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 01./KH-CTLNTP

Thừa Thiên Huế, ngày 15 tháng 4 năm 2017

(Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm 2017 đã được Chủ tịch Công ty phê duyệt tại Quyết định số 12/QĐ-CTLNTP ngày 16 tháng 01 năm 2017)

I. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2016

1. Kết quả hoạt động SXKD năm 2016:

- Doanh thu thuần:	26.230,20 triệu đồng
- Giá vốn:	17.499,32 triệu đồng
- Lợi nhuận trước thuế:	8.400,34 triệu đồng
- Lợi nhuận sau thuế:	7.076,26 triệu đồng

2. Các chỉ tiêu tài chính năm 2016:

- Tổng tài sản:	38.631,95 triệu đồng
- Vốn điều lệ:	13.102,31 triệu đồng
- Vốn chủ sở hữu:	22.492,72 triệu đồng

3. Kết quả đầu tư phát triển năm 2016:

Hoạt động	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá	Chi phí
1. Trồng rừng	ha	316,2	8.936.400	2.825.695.600
2. Chăm sóc rừng trồng	ha	506,0		1.902.276.577
2.1. Chăm sóc năm 1	ha	190,6	4.971.500	947.568.160
2.2. Chăm sóc năm 2	ha	119,9	1.763.150	211.402.366
2.3. Chăm sóc năm 3	ha	45,8	1.501.100	68.750.360
2.4. Chăm sóc rừng trồng vụ xuân 2016	ha	149,7	4.444.150	665.289.707
3. Cơ sở vật chất và đầu tư khác	đồng			1.732.720.000
4. Đầu tư QL BVR	đồng			2.500.000.000
Tổng cộng:				8.960.692.177



II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2017

1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh

1.1. Kế hoạch chỉ tiêu sản lượng chính

Hoạt động	ĐVT	KH thực hiện
1. Khai thác nhựa thông	ha	450,0
2. Khai thác rừng trồng	ha	150,6
3. Trồng rừng	ha	200,0
4. Chăm sóc rừng trồng	ha	819,0
4.1. Chăm sóc năm 1 (vụ Đông 2016)	ha	162,3
4.2. Chăm sóc năm 2 + vụ Xuân 2016	ha	360,7
4.3. Chăm sóc năm 3	ha	296,0
5. Sản xuất kinh doanh cây giống keo lai hom	tr.cây	3,0
6. Sản xuất kinh doanh cây giống keo lai mô	tr.cây	1,0
6.1. Trồng rừng	tr.cây	0,4
6.2. Kinh doanh	tr.cây	0,6
7. QL BVR	ha	4.918,9

1.2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh

1.2.1. Kế hoạch doanh thu

Hoạt động	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá	Doanh thu
1. Khai thác nhựa thông	tấn	164,0	22.000.000	3.608.000.000
2. Khai thác rừng trồng kinh tế	tấn	15.000	1.170.000	17.550.000.000
3. Sản xuất kinh doanh cây giống				4.620.000.000
3.1. Keo lai hom	cây	3.000.000	1.000	3.000.000.000
3.2. Keo lai mô	cây	600.000	2.700	1.620.000.000
4. Thu khác	đồng			1.850.000.000
Tổng cộng:	đồng			27.628.000.000

* Đơn giá gỗ được tạm tính trên cơ sở 40% gỗ xẻ (1.350.000đ/tấn) và 60% gỗ dăm (1.050.000đ/tấn)



1.2.2. Kế hoạch chi phí cho hoạt động SXKD:

Hoạt động	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá	Chi phí (đồng)
1. Khai thác nhựa thông	kg	164.000	19.230	3.153.720.000
2. Khai thác rừng trồng				9.975.000.000
2.1. Hoạt động khai thác rừng kinh tế	tấn	15.000	645.000	9.675.000.000
2.2. Thực hiện các hoạt động về môi trường, xã hội	tấn	15.000	10.000	150.000.000
2.3. Hoạt động đánh giá, giám sát	tấn	15.000	10.000	150.000.000
3. Sản xuất cây giống				4.410.000.000
3.1. Keo lai hom	cây	3.000.000	950	2.850.000.000
3.2. Keo lai mô	cây	600.000	2.600	1.560.000.000
4. Chi khác	đồng			1.650.000.000
Tổng cộng:				19.188.720.000

1.2.3. Lợi nhuận

Hoạt động	ĐVT	Lợi nhuận trước thuế
1. Khai thác nhựa thông	đồng	454.280.000
2. Khai thác rừng trồng kinh tế	đồng	7.575.000.000
3. Sản xuất kinh doanh cây giống	đồng	210.000.000
4. Thu khác	đồng	200.000.000
Tổng cộng:	đồng	8.439.280.000

2. Kế hoạch đầu tư phát triển

Hoạt động	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá	Dự toán
1. Trồng rừng	ha	200,0		3.366.231.000
1.1. Trồng rừng keo lai mô	ha	180,0	16.574.000	2.983.320.000
1.2. Trồng rừng thông caribaea	ha	10,0	20.104.600	201.046.000
1.3. Trồng rừng cây bản địa xen keo lai	ha	10,0	18.186.500	181.865.000
2. Chăm sóc rừng trồng	ha	819,0		4.008.348.000
2.1. Chăm sóc năm 1	ha	162,3	9.606.300	1.559.102.000
2.2. Chăm sóc năm 2 + vụ Xuân 2016	ha	360,7	4.875.900	1.758.737.000
2.3. Chăm sóc năm 3	ha	296,0	2.332.800	690.509.000
3. Vườn ươm	đồng			1.500.000.000
4. Quản lý bảo vệ rừng	đồng			2.500.000.000
Tổng cộng:				11.374.579.000



III. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Giải pháp về tài chính
 - Tập trung vốn cho các dự án tạo ra sản phẩm chính: rừng trồng gỗ lớn, vườn ươm giống công nghệ cao...
 - Huy động vốn với nhiều hình thức như vay vốn, huy động khác...
 - Tiết kiệm chi phí, tính toán hiệu quả của từng công việc, dự án để điều chỉnh kịp thời việc đầu tư kinh doanh, đảm bảo hiệu quả tốt nhất.
2. Giải pháp về sản xuất
 - Nắm bắt, tìm hiểu thị trường, tiếp thị sản phẩm nhằm có kế hoạch đẩy mạnh và phát triển các hoạt động cũng như phạm vi, lĩnh vực SXKD của đơn vị.
 - Tiến hành đẩy mạnh và phát triển sản xuất nhằm chủ động hơn.
3. Giải pháp về thị trường
 - Đa dạng hóa phương thức kinh doanh (bán sỉ, bán lẻ, hợp tác, liên kết...)
 - Xây dựng chiến lược giá phù hợp và sức cạnh tranh hơn.
4. Giải pháp về nguồn nhân lực
 - Huy động, tối đa mọi nguồn lực của đơn vị, thu hút lao động địa phương, phấn đấu hoàn thành 100% kế hoạch đề ra.
 - Tiếp tục sắp xếp tổ chức lại lao động, khắc phục tình trạng làm việc kém hiệu quả trong một số bộ phận CNVC-LĐ, đổi mới tư duy làm việc, phát huy tinh năng động, sáng tạo của mọi người trong hoạt động. Phân công, phân nhiệm cụ thể cho từng CBCNV-LĐ.
5. Giải pháp về công nghệ - kỹ thuật
 - Áp dụng các tiến bộ khoa học vào công tác sản xuất giống, tạo ra nguồn giống có chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu trồng rừng chất lượng cao của Công ty và thị trường.
 - Cập nhật, bổ sung, vận hành nghiêm túc quy trình quản lý rừng bền vững theo tiêu chuẩn "quản lý rừng bền vững quốc tế FSC".
6. Giải pháp về quản lý và điều hành
 - Xây dựng và phát huy tốt vai trò lãnh chỉ đạo của chi bộ đảng, của tổ chức công đoàn trong việc quản lý, chỉ đạo, điều hành mọi hoạt động của đơn vị.
 - Phát động phong trào thi đua trong toàn đơn vị nhằm động viên, khích lệ CBCNV-LĐ hoàn thành tốt nhiệm vụ và kế hoạch SXKD năm 2017 của công ty.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh TT Huế;
- Sở KH & ĐT;
- Sở Tài chính;
- Sở NN&PTNT.
- Lưu VT.



CHỦ TỊCH
KIỂM GIÁM ĐỐC

Tôn Thất Ái Tín